

Hồ ng và Thành Đ o

Thích Thái Hòa



Đ c Th Tôn thành đ o b ng con đ ng nào? B ng con đ ng chí thi n, có n i dung đ o n tr các l u ho c, đ thành t u Ni t-bàn và giáo hóa chúng sanh. - **Đi m Đ n Chí Thi n**

Sau nh ng ngày t b v ng cung, c o b râu tóc, m c áo ho i s c, làm ng i xu t gia, Th Tôn nói: “M c dù cha m không b ng lòng, than khóc n c m t đ y m t, ta v n c o b râu tóc, đ p áo cà-sa, xu t gia t b gia đình, s ng đ i s ng thoát ly gia đình. Ta xu t gia nh v y, k đi tìm cái gì chí thi n, đi tìm con đ ng vô th ng t i th ng, h ng đ n t ch t nh”. [1] Nh v y, đi m cùng đích mà khi xu t gia Th Tôn h ng t i là đi m chí thi n. Cùng đích c a chí thi n là Di t đ t c là Ni t-bàn hay t ch t nh tuy t đ i. Vì sao? Vì nó là đ i s ng không còn b sanh, già, b nh, ch t chi ph i. Cùng đích c a chí thi n là vô sanh, b t di t, n i không còn b t c m t bóng dáng nào c a tham đ c và ngã t ng

- Đồng nghiệp Lữ Nhân Mạo Ra

Thầy Tôn đã đi đến cùng đích của chí thiền bằng con đường nào? Bằng con đường Thánh đạo tám chi. Do đi trên cao đường này, Thầy Tôn đã vượt ra khỏi hai cực đoan là khổ hạnh ép xác và buông lung trong các dục. Sống với đời sống ép xác khổ hạnh, khi nào còn ngạo mạn có cái nhìn lãnh cảm với cuộc đời và hạnh phúc với những gì đang hiện hữu; và sống với tâm buông lung trong các dục, khi nào cho con người quá nhút nhát tình với các nhu cầu của lòng tham, nên bệnh mù quáng và chết đi bằng bệnh nó.

Nên, Thánh đạo tám chi, con đường vượt ra khỏi hai cực đoan này, đi đến cùng đích của chí thiền và Thầy Tôn đã đi đến cùng đích này bằng con đường này.

Vì vậy, đức Thầy Tôn nói: “Này các Tỷ-kheo! Quý vị tu tập, cần phải từ bỏ hai cực đoan này. Tôi sẽ nói cho quý vị biết về con đường Trung đạo, quý vị phải hết lòng nghe, ghi nhớ và nỗ lực thực hành!

Thầy nào là con đường Trung đạo? Đó là Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Con đường để tám yếu tố này, gọi là Trung đạo. Đây là con đường đi tới an lạc, trí tuệ, giác ngộ và Niết-bàn”. [2]

Như vậy, Thầy Tôn thành đạo là do Ngài đã từ mình đi trên con đường này và con đường này đã mở ra, đến Ngài đến chỗ an lạc chí thiền, trí tuệ minh triết, giác ngộ tối thượng và Niết-bàn tuyệt đối.

- Đạo Nhân Trừ Lưu Hoại Và Chướng Tam Minh

Thầy Tôn đạo nhân trừ các lưu hoại bằng con đường nào? Bằng con đường thiền quán với sự có mặt của Chánh tư duy, sau khi đã đi qua hai bậc, do các lỗi lầm thiền định như Sơ thiền đến Tứ thiền đem lại, Ngài dùng nội tâm nội tâm thiền, với tâm thuần thiện, không còn các bóng dáng của khổ thọ, lạc thọ, ưu thọ, hỷ thọ và niệm mong, và bày giở Ngài đi vào thiền quán, lấy “lão tử” làm đối tượng thiền duy để thấy rõ “sanh”; lấy “sanh” làm đối tượng thiền duy để thấy rõ “hữu”; lấy “hữu” làm đối tượng thiền duy để thấy rõ “thọ”; lấy “thọ” làm đối tượng thiền duy để thấy rõ “ái”; lấy “ái” làm đối tượng thiền duy để thấy rõ “thọ”; lấy “thọ” làm đối tượng thiền duy để thấy rõ “xúc”; lấy “xúc” làm đối tượng thiền duy để thấy rõ “lạc nhiễm”; lấy “lạc nhiễm” làm đối tượng thiền duy để thấy rõ “danh sắc”; lấy “danh sắc” làm đối tượng thiền duy để thấy rõ “thọ”; lấy “thọ” làm đối tượng thiền duy để thấy rõ “hành”; lấy “hành” làm đối tượng thiền duy để thấy rõ “vô minh”; lấy “vô minh” làm đối tượng thiền duy để thấy rõ “vô minh” diệt, thì “hành” diệt; “hành” diệt, thì “thọ” diệt; “thọ” diệt, thì “danh sắc” diệt; “danh sắc” diệt, thì “lạc nhiễm” diệt; “lạc nhiễm” diệt, thì “xúc” diệt; “xúc” diệt, thì “thọ” diệt; “thọ” diệt, thì “ái” diệt; “ái” diệt, thì “thọ” diệt; “thọ” diệt, thì “hữu” diệt; “hữu” diệt, thì “sanh” diệt; “sanh” diệt, thì “lão tử” diệt.

Sau khi đã t duy và th y rõ nh v y, Ngài li n th y và bi t m t cách nh th t r ng, chính “ái, th và h u” là tác nhân và tác duyên hi n t i đ “sinh lão t ” có m t; và “vô minh, hành” là tác nhân, tác duyên quá kh đ cho “th c, danh s c, l c nh p, xúc và th ” có m t, và toàn b “kh u n” đ i n y và đ i sau có m t, nên Ngài đã dùng năng l c c a Gi i, Đ nh và Tu hay các y u t tr đ o và chánh đ o, đ ch t đ t “ái, th và h u”; ch t đ t “vô minh và hành”, khi n các l u ho c đ u đ t s ch; và b ng tu giác, Ngài đã soi chi u vào t thân, th y rõ nhân duyên c a mình, t m t ki p, hai ki p cho đ n vô l ng ki p, trong quá kh v i tên nh v y, v i dòng h nh v y, v i cha m nh v y, v i qu c đ nh v y, v i hành nghi p nh v y... v i s th y rõ nh v y, g i là Túc m ng minh. Ngài đã ch ng minh n y, cu i canh m t c a đêm Thành đ o.

Ti p t c thi n quán, Ngài dùng tu giác đ soi chi u nhân duyên và nghi p qu c a chúng sanh, Ngài đã th y rõ nhân duyên và nghi p qu c a nh ng loài chúng sanh sinh ra t s m m c; t tr ng; t thai; và t s bi n hóa. S th y rõ nh v y, g i là Thiên nhãn minh. Ngài ch ng minh n y vào cu i canh hai c a đêm Thành đ o.

Ngài v a ch ng Thiên nhãn minh, thì ngay lúc y, s m sét n tung vang tr i, m a b t đ u tuôn xu ng x i x . Nh ng Ngài v n đi m nhi n b t đ ng, đ n tâm h ng đ n L u t n trí và bi t đúng nh th t: đây là kh ; đây là t p kh i c a kh ; đây là s v ng m t c a kh ; và đây là con đ ng ch m đ t s kh .

Sau khi đã có Chánh ki n nh v y r i, Ngài l i ti p t c quán chi u đ th y rõ:

“Đây là nh ng m c mu n mê l m. Đây là nh ng ki n th c mê l m. Đây là nh ng mê l m do vô minh.

Đây là nguyên nhân c a s m c mu n mê l m. Đây là nguyên nhân c a nh ng ki n th c mê l m. Đây là nguyên nhân c a s mê l m do vô minh.

Đây là s v ng m t c a nh ng nguyên nhân mê l m. Đây là v ng m t nguyên nhân c a nh ng ki n th c mê l m. Đây là s v ng m t c a nh ng nguyên nhân sinh kh i vô minh.

Đây là con đ ng đ a đ n s di t t n nh ng m c mu n mê l m. Đây là con đ ng đ a đ n s di t t n nh ng ki n th c mê l m. Đây là con đ ng đ a đ n s di t t n nh ng mê l m do vô minh”.

B ng con đ ng thi n quán, soi r i tâm th c nh th , Ngài đã lo i tr h t th y đ c l u, h u l u,

vô minh lâu. Ngài biết mình đã giải thoát hoàn toàn, không còn bận rộn bu碌c bởi bất cứ lâu học nào và tự tuyên bố:

“Sanh đã tận, phàm hạnh đã thành, việc đáng làm đã làm xong, vĩnh viễn không còn tái sanh nữa”.

Với Chánh kiến đối với các lâu học không còn tâm nhựt, gọi là Lâu tận minh. Ngài đã chứng đắc minh nhựt, vào cuối canh ba của đêm Thành đạo.

Cùng ngay lúc ấy, Ngài quán chiếu, thấy rõ mọi nhân duyên của hết thảy mọi ngôn ngữ và âm thanh, nên Ngài đã chứng Thiên nhĩ thông. Tiếp tục thiền quán, Ngài chứng đắc Tha tâm thông, biết rõ tâm của hết thảy chúng sanh. Và ngay sau đó, Ngài chứng luôn Thập túc thông, không còn bận rộn mất chứng ngộ nào đối với bậc chân đi của Ngài.

Chứng ngộ đã qua, năng lượng đã lên, Ngài nhìn muôn vật tượng tượng và tự nhủ:

“Có vô sanh bất diệt đã mở ra, Đạo lớn đã thành”. Bởi vì là vào ngày mùng 8 tháng 12 âm lịch, lúc Ngài 35 tuổi.[3]

- Thành Đạo Và Hộ ng Pháp

Sau khi đắc Thập Tôn, do nhận sự hết thảy lâu học, chứng đắc Tam minh và thành tựu Lục thông, Ngài thành bậc Nhị Lai, A-la-hán, bậc Vô thượng giác với đầy đủ mọi phẩm tính giác ngộ.

Ngài nói: “Này các Tỳ kheo! Trong toàn thế giới, Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quyn chúng Sa môn, Bà la môn, chư Thiên và loài Ngạ quỷ, Nhị Lai là bậc chiên thắng, không bậc chiên bởi, toàn tri, toàn kiến, đắc tự tại, do vậy đắc gọi là Nhị Lai”.[4]

Và trong kinh Mật Hoàn, đức Thập Tôn đã khẳng định sự thuyết pháp của Ngài cho những người chắt vắn rằng: “Ngài thuyết pháp không phải để tranh luận với bất ai giữa đời”.[5] Và Tôn gi Mahakaccana đã nói cho các hiên gi và sự thuyết pháp của Thập Tôn rằng: “Thập Tôn biết những gì cần phải biết, thấy những gì cần phải thấy, Ngài trở thành vị có mặt, trở thành vị có trí, trở thành Chánh pháp, trở thành Brahma, và thuyết gi, diên gi, và đem lại mọi tiêu, và trao cho bất tử, và Pháp chế, Nhị Lai”. [6]

Sau khi thành đ o, v i cái bi t nh v y, v i cái th y nh v y, v i Chánh pháp nh v y... sau nhi u tu n l y n ng quán chi u, Ngài đã th ng đ i, th ng chúng sanh chìm đ m trong vô minh kh h i sinh t , nên Ngài đã đ n vu n Nai đ chuy n v n Pháp luân, kêu g i năm anh em Ki u Tr n Nh , nên t b hai c c đoan: m t là ép xác kh h nh; hai là buông lung trong các d c; và hãy th c hành Trung đ o là Bát chánh đ o. Sau đó Ngài chuy n v n pháp luân T Thánh Đ ba l n g m: th chuy n, khuy n chuy n và ch ng chuy n v i đ y đ m i hai hành t ng cho năm anh em Ki u Tr n Nh . T đó Ph t, Pháp, Tăng có m t m t cách đ y đ c s và lý trong th gian. Ph t là đ ng Th Tôn, Pháp là Bát Thánh đ o, tr c quay c a T Thánh Đ và Tăng đoàn có m t đ u tiên là năm anh em Ki u Tr n Nh , đ c thi t l p trên n n t ng Thánh đ o v i b n th thanh t nh và hòa h p.

B y gi , Tăng đoàn c a Th Tôn càng ngày càng l n m nh, chánh pháp càng lúc càng đ c tuyên đ ng r ng rãi, r ng ng i kh p x n đ b y gi .

Đ i v i s nghi p ho ng pháp, đ c Th Tôn đ y: “Nh Lai hay đ t Nh Lai thuy t pháp đ b t tr t c n l c thiên ki n, tùy miên v m i ch p tr c ki n x , s an t nh c a m i hành đ ng, s v t b m i ch p tr c, s di t tr khát ái, đ đ a đ n ly tham, đ n di t, Ni t-bàn”.[7]

Nh v y, sau khi thành đ o, đ i v i con đ ng ho ng pháp, Ngài nói: “Ngài thuy t pháp không quan tâm đ n s tôn tr ng hay không tôn tr ng c a th gian mà vì là trách nhi m c a Ngài đ i v i đ i”.[8]

Nói m t cách khác, vì th ng chúng sanh th kh mà Ph t có m t trong th gian và thuy t pháp, giáo hóa đ m l i Chánh ki n và s an n cho c i đ i. Trong s giáo hóa và thuy t pháp c a Ngài đã có s th ng nh t và xuyên su t m t m c đích duy nh t nh Ngài nói: “Ch T kheo! X a cũng nh nay, Ta ch nói lên s kh và s di t kh”.[9]

V i lý t ng ho ng pháp đ di t kh cho chúng sanh, Th Tôn sau khi thành đ o, Ngài đã lên đ ng chuy n v n bánh xe chánh pháp đ u tiên t i v n Nai và thành l p Tăng đoàn, đ cùng Ngài ho ng pháp, đ m nh ng đ i u t t đ p, cao quý do Ngài đã giác ng truy n bá cho nhân lo i kh p c mu n n i.

Giáo lý do Ngài gi ng đ y không h có s tranh h n thua v i ai, mà ch nh m th ng t i s di t t n kh đau cho con ng i, n u con ng i bi t ch p nh n pháp, n ng t a pháp và hành trì theo pháp, thì nh t đ nh ngay trong đ i s ng n y kh đau s b di t t n.

Trong các kinh đ i n, đ c Ph t đã đ y r ng: “Nh ng ai đ n v i Ngài không ph i đ nói hay đ

tranh cãi mà đến để th y và ch ng ng ”.

Tăng đoàn có mặt gi a cu c đ i và đi kh p th gian, cũng ch vì mục đích y, ch không vì b t c mục đích nào khác. Nghĩa là không tranh giành h n thua v i ai, v i đoàn th nào, mà ch vì l i ích và an l c cho đa s ; vì lòng th ng đ i v i cu c đ i, mà thuyết pháp giáo hóa chúng sinh, khi n cho chúng sanh không b tham d c, sân h n và si mê ám h i, nh đ c Ph t nói trong kinh Đ i b n:

“Này các T kheo! Hãy đi cùng kh p, vì h nh phúc cho đ i chúng, vì an l c cho đ i chúng, vì lòng th ng t ng v i đ i, vì h nh phúc, vì l i ích, vì an l c cho loài ng i, loài tr i. Ch có đi hai ng i cùng mặt ch .

Này các T kheo! Hãy thuyết gi ng Chánh pháp, s thi n, trung thi n, h u thi n, nghĩa lý đ y đ , văn cú v n toàn. Hãy nêu rõ đ i s ng ph m h nh hoàn toàn thanh t nh. Có nh ng chúng sanh ít nhi m b i đ i, n u không đ c nghe gi ng Chánh pháp s b nguy h i”.[10]

- K Nguyên M i

Nh v y, ta th y ngày Thành đ o c a đ c Th Tôn đã m ra cho nhân lo i m t k nguyên m i. M t k nguyên c a Chánh ki n, th y rõ th gian là vô th ng và nh ng gì c u t o nên nó ch là do quan h duyên kh i và tr ng r ng t ngã. Nh ng n i kh đau c a con ng i i trong th gian không do m t ai có th m quy n áp đ t, mà chính là do lòng tham d c, tính h n thù và s kiêu căng n i tâm h t o nên. Tâm cũng vô th ng nh b t c nh ng s vô th ng nào i trong th gian, nên nh ng kh đau c a con ng i không ph i là tuy t l . Nó có th thay đ i khi nhân và duyên c a c a nó đ c thay đ i. Nhân và duyên làm thay đ i kh đau c a th gi i con ng i là Bát Thánh Đ o. Th c hành Bát Thánh Đ o, do đ c Ph t công b t i v n Nai, sau khi Ngài thành đ o, trong th i thuyết gi ng đ u tiên cho năm anh em K i u Tr n Nh , thì nh ng kh đau c a th gi i con ng i s b di t t n. Nên, ngày Thành đ o c a Th Tôn đã m ra cho nhân lo i, m t k nguyên m i, m t k nguyên c a Chánh ki n, Chánh t duy,... t b c Giác ng hoàn toàn. Và m t ni m tin m i, m t ni m tin m i kh đau c a con ng i có th di t t n và h nh phúc, an l c c a con ng i có th có m t ngay trong đ i s ng này.

L i n a, ngày Thành đ o c a đ c Th Tôn l i m ra cho nhân lo i m t k nguyên m i, m t k nguyên t b m i huy n đàm, suy t ng, và ph i bi t đ i di n v i cái th c t tr c m t, là kh và di t kh , b ng con đ ng th c nghi m, đo n t n phi n não i tâm, ch không ph i b ng con đ ng nô l th n linh qua vi c t t , l nghi đ c u xin ban ân s ng hay tìm c u ch y b n theo h ng tr c v t.

Lời này, ngày Thành Đạo của Đức Phật Tôn, đã mở ra cho nhân loại một kỷ nguyên mới, một kỷ nguyên của ý thức tự giác và tự nguyện. Tự giác và tự nguyện học Đạo, tự giác và tự nguyện tìm Đạo, tự giác và tự nguyện dâng Đạo, tự giác và tự nguyện chơn Đạo, tự giác và tự nguyện hoằng Đạo, đem lại sự an bình và tốt đẹp cho cuộc đời.

Chính ý thức tự giác, tự nguyện này là khởi điểm cho mọi nền tảng hạnh phúc và văn minh của nhân loại. Con người không thể nào có hạnh phúc, khi bản năng khác sai lầm. Nếu bản năng khác sai lầm làm vua, làm tông trưởng, làm người xuất gia cho đến ngay cả sai lầm làm hòa thượng đi nữa, vẫn bản năng đau như thế thôi. Nó khổ đau, vì những việc làm này không có gốc rễ ý thức tự giác và tự nguyện. Và xã hội loài người không thể nào có văn minh, tiến bộ, nếu trong những lãnh vực sinh hoạt của chúng, thiếu ý thức tự giác và tự nguyện này.

Vì vậy, ngày Thành Đạo của Đức Phật Tôn là ngày mở ra một kỷ nguyên mới, với đời sống ý thức tự giác và tự nguyện để làm lợi ích đời xã hội loài người đi lên.

Và ngày Thành Đạo của Đức Phật Tôn là ngày không những mở đầu cho sự có mặt của trí tuệ toàn hảo của Đức Phật Giác Ngộ, mà còn là ngày khởi đầu hạnh nguyện đời bi và trách nhiệm giáo hóa của Ngài đối với muôn loài như Ngài đã nói:

“Ngài thuyết pháp không quan tâm đến sự tôn trọng hay không tôn trọng của thế gian mà vì là trách nhiệm của Ngài đối với đời”.[11]

Vì trách nhiệm này, không đến với Ngài để bắt cứ quy nạp uy nào, mà ý thức tự nguyện, tự giác với đời để hai chất liệu của đời trí và đời bi, khi đến cho ngày thành Đạo của Ngài đối với nhân loại là một nhu cầu khẩn thiết và trở thành bắt buộc trong lịch sử văn minh của thế giới con người.

Lịch sử này chỉ có nghĩa đích thực, khi nào những người đến tìm của Ngài, có đời sống biết nương tựa Pháp, học Pháp, hành theo Pháp và chơn ngẫm Pháp, sống với đời sống như vậy, thì không có đời sống nào cao quý hơn; biết cúng dường Phật bằng học Pháp, hành theo Pháp và chơn ngẫm Pháp, thì không còn có bất cứ sự cúng dường nào cao hơn; biết thiết lập Đạo tràng để học Pháp, hành theo pháp và chơn ngẫm Pháp, thì không còn có bất cứ sự thiết lập nào cao hơn; biết thọ trì giới và phụng sự cuộc đời bằng cách học Pháp, hành theo Pháp và chơn ngẫm Pháp, thì không còn có bất cứ sự thọ trì giới và phụng sự nào cao hơn; và biết làm lợi ích ni m ngày thành Đạo của Đức Phật Tôn, bằng cách học Pháp, hành theo Pháp và chơn ngẫm Pháp, thì không còn có bất cứ lợi ích ni m nào có ý nghĩa cao hơn nữa cả.

Vì vậy, là Đức Phật Tôn, chúng ta phải tu học tinh cần, đời thực Pháp và chơn ngẫm Pháp, khi đến một không gian Đạo là không gian của Đạo, và khi đến cho một thời gian Đạo là thời gian

thực nghiệm đ o và chứng đ o, như Th Tôn đã chứng và đã thành.

Đó là ý nghĩa hồ sơ ng v và khái niệm ngày Th Tôn thành đ o của hàng đ t Phật chúng ta.

CHÚ THÍCH

[1] Kinh Thánh Cựu, Trung b I, tr 163, ĐHVH 1973.

[2] Phật Thuyết Tam chuyển pháp luân kinh, s 110, Đ i Chính 2.

[3] Tham khảo Kinh Thánh Cựu, Kinh Nh t Thi t L u Ho c, Trung b I, ĐHVH, 1973. Phẩm Phật Đà, T ng ng B II, ĐTKVN, 1993. Phật B n H nh T p Kinh 31, 32, Đ i Chính 3.

[4] Kinh Phật Thuyết Nh V y, Ti u B I, Tu Th PHVH 1982.

[5] Kinh M t Hoàn, Trung B I, tr109A, ĐHVH 1973

[6] Kinh đã d n nh trên tr 111A.

<http://www.thuviencophap.org/2011/12/phat-thanh-ao.html>